

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BỈM SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1043 /UBND-LĐTĐ&XH
V/v xây dựng chính sách
xóa bỏ các lò vôi thủ công

Bỉm Sơn, ngày 12 tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Sở Lao động- Thương binh & Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Công văn số 1235/SLĐTĐBXH- LĐVL ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc xây dựng chính sách xóa bỏ lò vôi thủ công. UBND thị xã Bỉm Sơn giao cho phòng Lao động-Thương binh và Xã hội phối hợp với các phòng ban chuyên môn và UBND các xã, phường tiến hành rà soát, thống kê, tổng hợp tình hình sản xuất của các lò vôi thủ công trên địa bàn kết quả như sau:

Hiện nay trên địa bàn thị xã Bỉm Sơn hiện nay còn 04 lò vôi thủ công (Trong đó: 01 lò hoạt động; 03 lò đã dừng hoạt động).

Tình hình sản xuất:

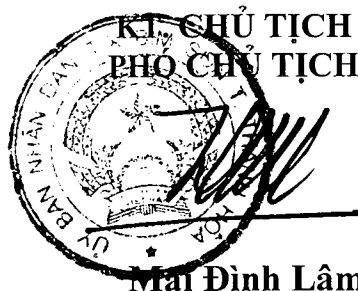
- Tổng sản lượng 4.200 tấn/năm
- Tổng kinh phí các chủ lò vôi thủ công đề nghị hỗ trợ là 2.250 triệu đồng

(Có mẫu biểu kèm theo)

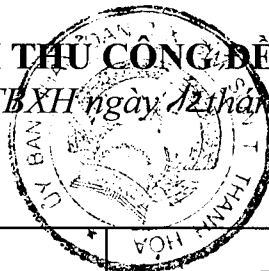
UBND Thị xã Bỉm Sơn tổng hợp báo cáo Sở Lao động- Thương binh & Xã hội tỉnh Thanh Hóa được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP; LĐ.

**KI - CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Đình Lâm

DANH SÁCH CÁC LÒ VÔI THỦ CÔNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ
(Kèm theo Công văn số: ~~1043~~ /UBND-LĐT BXH ngày 12 tháng 6 năm 2019 của UBND thị xã Bim Sơn)

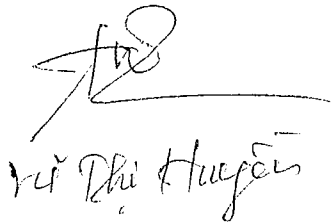


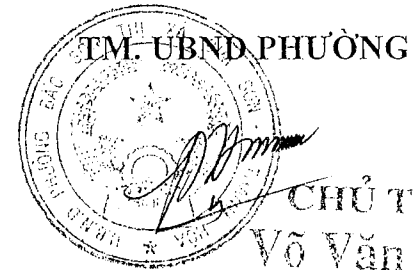
STT	Đơn vị	Số lao động	Số lượng lò	Tổng Sản lượng (tấn/năm)	Hiện trạng		Kinh phí đề nghị hỗ trợ (Đơn vị: Triệu đồng)		
					Đang hoạt động	Dừng hoạt động (Số lò)	Hỗ trợ giá trị còn lại của lò	Hỗ trợ tháo dỡ, vận chuyển, đổ thải	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11=9+10
1	Phường Bắc Sơn	9	4	4,200	01	03	2020	230	2250
Tổng		9	4	4,200	01	03	2020	230	2250

DANH SÁCH CÁC LÒ VÔI THỦ CÔNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ

STT	Họ tên chủ lò	Địa chỉ lò (thôn, xóm)	Số lượng lò	Công suất (tấn/lò)	Sản lượng (tấn/năm)	Hiện trạng		Thời điểm xây dựng lò (năm)	Lò có được cấp phép xây dựng (có/ không)	Chi phí, khấu hao, giá trị (Đơn vị: Triệu đồng)			Kinh phí đề nghị hỗ trợ (Đơn vị: Triệu đồng)		
						Đang hoạt động	Dừng hoạt động (năm dừng)			Chi phí đầu tư xây dựng lò	Khấu hao lò	Giá trị còn lại của lò (thời điểm hiện tại)	Hỗ trợ giá trị còn lại của lò	Hỗ trợ tháo dỡ, vận chuyển đồ thải	Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13=11-12	14	15	16=14+15
1	Nguyễn Văn Tuấn	Khu 5	1	900	4,200	x		2010	không	1900	50	1850	1850	150	2000
2	Nguyễn Thị Tư	Khu 5	1				2009	2001	không	60	0	50	50	20	70
3	Nguyễn Văn Lô	Khu 5	1				2009	2001	không	90	0	60	60	30	90
4	Nguyễn Thanh Hưng	Khu 5	1				2009	2001	không	60	0	50	60	30	90
Tổng										2110	50	2010	2020	230	2250

Người tổng hợp



Vũ Thị Huyền

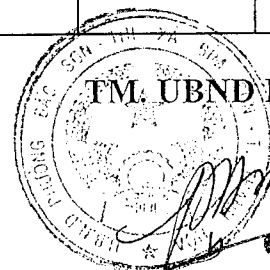


DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐANG LÀM VIỆC TẠI CÁC LÒ VÔI THỦ CÔNG

STT	Họ và tên	Năm sinh	Giới tính		Quan hệ với chủ lò vôi (chủ lò, vợ, con, công nhân)	Trình độ văn hóa	Thời gian làm việc của người lao động		Địa chỉ của người lao động	Ghi chú
							Trung bình số ngày làm việc/tháng	Số tháng đã làm việc cho chủ lò (chủ lò hiện tại)		
1	Nguyễn Văn Tuấn	1967	x		Chủ lò	10/10	26		Tam Điệp - Ninh Bình	
2	Bùi Đình Hải	1974	x		Công nhân	7/10	22	5	Yên Mô - Ninh Bình	
3	Hoàng Thị Liên	1973		x	Công nhân	5/10	22	5	Yên Mô - Ninh Bình	
4	Tạ Thị Ngãi	1975		x	Công nhân	12/12	22	4	Yên Mô - Ninh Bình	
5	Đặng Đình Tiếp	1990	x		Công nhân	12/12	22	5	Bím Sơn - Thanh Hóa	
6	Đình Văn Hòa	1966	x		Công nhân	7/10	22	3	Yên Mô - Ninh Bình	
7	Đình Văn Hòa	1992	x		Công nhân	12/12	22	5	Yên Mô - Ninh Bình	
8	Đình Văn Năm	1965	x		Công nhân	5/10	22	3	Yên Mô - Ninh Bình	
9	Nguyễn Thị Hà	1988		x	Công nhân	12/12	22	5	Quảng Xương - Thanh Hóa	
Tổng										

Người tổng hợp


Vũ Thị Huyền



TM. UBND PHƯỜNG

CHỦ TỊCH
Võ Văn Hiếu